

Trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ và hiểu biết xã hội của phụ nữ Quảng Ngãi trong thời kỳ đổi mới

VÕ THỊ MAI

Quá trình đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, cũng trong quá trình này đang xuất hiện những dấu hiệu đáng lo ngại trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đặc biệt, tình trạng tụt hậu về trình độ học vấn của phụ nữ, ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người ở miền núi. Bài viết này đề cập tới thực trạng học vấn, chuyên môn nghiệp vụ và hiểu biết xã hội của phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi, một tỉnh miền Trung còn nhiều khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Nội dung và các số liệu sử dụng trong bài viết được lấy từ kết quả khảo sát xã hội học về trình độ học vấn của phụ nữ Quảng Ngãi tháng (11/1999), với sự tham gia của tác giả. Mẫu điều tra gồm 350 phỏng vấn cá nhân, 20 phỏng vấn sâu và 10 cuộc thảo luận nhóm tập trung ở 2 khu vực nông thôn và đô thị thuộc 3 vùng đồng bằng, trung du- miền núi và hải đảo của tỉnh Quảng Ngãi.

1. Thực trạng :

1. Về trình độ học vấn :

Trong nhiều văn bản pháp lý của Nhà nước, nhiều Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, của Ủy ban vì sự tiến bộ phụ nữ Trung ương và cấp tỉnh đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất và nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ cho phụ nữ, tạo điều kiện bình đẳng cho cả nam, nữ về mọi mặt, đặc biệt trên lĩnh vực giáo dục.

Ở Quảng Ngãi, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, nhất là liên kết với Sở Giáo dục - Đào tạo vận động cán bộ Hội phụ nữ trong độ tuổi đi học xóa mù chữ. Kết quả đã có 09/13 huyện, thị và 127/171 xã, phường đạt chuẩn xóa mù. Hội phụ nữ tỉnh phối hợp với bộ đội Biên phòng tỉnh tổ chức 19 lớp xóa mù, vận động 413 phụ nữ và trẻ em đi học. Trong báo cáo của Ban chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh lần XV - tháng 3/1997 đã nêu rõ: "... rất tự hào có lực lượng nữ trí thức 850 chị đã được đào tạo qua các chương trình đại học, cao đẳng. Đây là những hạt nhân tiêu biểu, là vốn quý của phong trào phụ nữ tỉnh nhà trong giai đoạn công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước". Tuy nhiên, xét từ góc độ giới, trong giáo dục, cùng với sự chuyển đổi kinh tế - xã hội đã nổi lên tình trạng tụt hậu và yếu kém về trình độ học vấn của phụ nữ.

Qua khảo sát cho thấy, trong 181 phụ nữ được hỏi (chiếm 52,26% tổng số mẫu) thì số người có học vấn cấp II là 20,5%; cấp I 11,8%; cấp III là 10,1%. Càng lên bậc học cao thì số lượng nữ càng ít, ở bậc đại học chỉ có 3,7%. Chẳng hạn, toàn ngành giáo dục-đào tạo của tỉnh, số nữ cán bộ giáo viên chiếm 65% nhưng chỉ có 10 nữ giáo viên có trình độ cao học (thạc sĩ) và 02 nữ đang làm nghiên cứu sinh (tiến sĩ). Nhiều phụ nữ có trình độ cấp II nói rằng, *bản thân họ sống và làm việc bằng kinh nghiệm được tích lũy trong quá trình công tác*. Ngay cả nữ cán bộ quản lý không phải ai cũng có trình độ học vấn cao, hầu hết họ học hết cấp II, III đến khi giữ cương vị quản lý họ mới được đi học đại học và qua các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chính trị.

Phân tích tình hình theo nhóm tuổi cho thấy trình độ học vấn của nhóm nữ trẻ tuổi như nhóm tuổi 21-30 và cao tuổi là nhóm tuổi 66 trở lên, tập trung ở cấp I, II, cùng lắm lên cấp III còn ở bậc đại học gần như không có (xem bảng 1).

Bảng 1: Học vấn của nhóm phụ nữ Quảng Ngãi được khảo sát theo tuổi và cấp học (%)

Nhóm tuổi	Mù chữ	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Trung cấp	Đại học, Cao đẳng
21 - 30	0	9,1	21,8	16,4	3,6	7,3
31 - 40	0,9	10,9	21,8	10	4,5	1,8
41 - 50	0	9,9	22,0	11,0	11,0	5,5
51 - 55	0	28,1	12,5	6,3	9,4	3,1
56 -60	0	23,1	0	23,1	0	0
61 -65	0	6,7	46,7	0	0	0
66 trở lên	0	6,5	12,9	0	0	3,2

Nhìn chung, so với mặt bằng dân trí quốc gia thì trình độ học vấn của phụ nữ Quảng Ngãi được cải thiện không nhiều và chưa thể gọi là cao. Vì vậy, nâng cao trình độ học vấn của phụ nữ nói riêng và chất lượng giáo dục - đào tạo phải được coi là chính sách ưu tiên hàng đầu trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Kết quả phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung phản ánh cụ thể hơn về thực trạng trình độ học vấn của phụ nữ và những gì khó khăn khiến họ khó có thể tự nâng cao trình độ học vấn của mình: "... *phụ nữ không có quyền tham gia rộng hơn ở các lĩnh vực xã hội mà chỉ dừng trong phạm vi gia đình thôi. Tôi muốn lắm cũng không được, phụ nữ lớn lên đã bị hạn chế học hành; mang nặng truyền thống dòng họ, trách nhiệm gánh vác gia đình. Theo tôi là như vậy chứ không phải mình dốt nát gì đâu. Về mặt xã hội thì cứ an phận, mình biết gia đình mình, làm công tác đoàn thể thì mình có trách nhiệm tới đâu thì làm tới đó...*". [Nữ 58, cấp II, phường Trần Phú]. Một ý kiến điển hình khác: "... *kháng chiến lần thứ một, mình chỉ được học bình dân thôi, sau này nghèo khổ quá được học bình dân hết cấp II, xin học nữa thì gia đình nói con gái thì học làm gì, viết thư cho con trai chứ làm gì... do đó, bản thân tôi bị hạn chế về trình độ, tiếp thu nó lâu...*" [Nữ 70, cấp II, phường Trần Phú].

Trong tương quan với nam giới, trình độ học vấn của phụ nữ nói chung là thấp hơn (xem bảng 2).

Bảng 2 : Học vấn của người được hỏi theo giới (%)

	Mù chữ	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Trung cấp	Đại học, Cao đẳng	Tổng
Nam	5	28	62	42	9	20	166
	1,4	8,1	17,9	12,1	2,6	5,8	47,8
Nữ	1	41	71	35	20	13	181
	0,3	11,8	20,5	10,1	5,8	3,7	54,2

Theo kết quả khảo sát, ở bậc học thấp (cấp I, II) nữ giới nhiều hơn nam giới do tỷ lệ nữ trong cơ cấu dân số và cơ cấu nhập học nhiều hơn, nhưng càng lên bậc học cao số nữ giảm, số nam tăng lên với khoảng cách ngày càng cao. Nhìn vào số liệu thống kê học sinh phổ thông trong ba năm học (1996-1999) của tỉnh ta thấy xu hướng giảm dần số lượng học sinh nói chung khi lên bậc học cao hơn, với học sinh nữ, xu hướng này càng rõ rệt hơn (bảng 3).

Bảng 3 : Tỷ lệ học sinh nữ qua các cấp học (%)

	Cấp I	Cấp II	Cấp III
1996 - 1997	46,0	47,56	42,5
1997 - 1998	46,4	45,99	44,43
1998 - 1999	48,89	46,67	28,16

Khi được hỏi về sự khác biệt so với nam giới về trình độ học vấn, bản thân phụ nữ tự nhận thấy học vấn của mình thấp hơn nam giới (68,8% người trả lời) có 28,4% trả lời là phụ nữ có học vấn bằng nam và chỉ có 1,4% cho rằng phụ nữ ở địa phương có học vấn cao hơn nam. *Thực tế cho đến nay vẫn chưa thay đổi nhiều lắm thực trạng trình độ học vấn của phụ nữ thấp hơn so với nam giới.*

Một trong những nguyên nhân được nhiều người đưa ra để giải thích cho điều này là: phụ nữ phải làm việc nhà, chăm lo gia đình, gia đình khó khăn nên chỉ ưu tiên cho nam đi học, đặc biệt do nhận thức của xã hội là phụ nữ không cần học cao.

Có một khoảng cách tương đối lớn về trình độ học vấn của phụ nữ nông thôn và phụ nữ đô thị. Thực tế ở nông thôn các chị ít có cơ hội học hành và khó đạt tới trình độ học vấn cao như phụ nữ đô thị. Ví dụ, nếu ở phường Trần Phú có 6,7% nữ có trình độ đại học thì ở xã Tịnh Ấn Tây - huyện Sơn Tịnh chỉ có 2,0%, đặc biệt ở huyện miền núi Ba Tơ thì không có người được hỏi nào có trình độ đại học (xem bảng 4).

Bảng 4 : Tỷ lệ học vấn của người được hỏi theo vùng (%)

	Mù chữ	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Trung cấp	Đại học, Cao đẳng
Phường Trần Phú	0,7	3,4	20,1	12,8	9,4	6,7
Xã Tịnh Ấn Tây	0	15,5	23,3	10,8	1,4	2,0
Thị trấn Ba Tơ	0	26,0	16,0	0	8,0	0

2. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của phụ nữ :

Trong quá trình chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường, có trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ cao thì người lao động nói chung và phụ nữ nói riêng sẽ

có cơ hội lựa chọn và tham gia công việc tốt hơn, có địa vị cao và thu nhập cao hơn. Ngược lại, nếu học vấn, chuyên môn thấp họ sẽ rất khó khăn khi tiếp cận công việc đòi hỏi kỹ thuật, chuyên môn cao và khó tìm kiếm công việc, phù hợp với khả năng của mình, ảnh hưởng đến thu nhập của gia đình họ.

Ở Quảng Ngãi, không chỉ trình độ học vấn mà cả trình độ chuyên môn nghiệp vụ của phụ nữ đều không cao. Có đến 52,3% người được phỏng vấn đã trả lời không được đào tạo bất cứ nghề gì. Trong số người được đào tạo, chỉ có nghề giáo viên (18,6%); kế toán (9,0%), nông nghiệp (7,8%)... (xem bảng 5).

Bảng 5 : Nghề được đào tạo của phụ nữ (% trong tổng số người có đào tạo nghề)

Giáo viên	Kế toán	Nông nghiệp	Công nhân	Bác sĩ + y sĩ	Cán bộ	Bộ đội	Kỹ sư	Lái xe	Thợ may
18,6	9,0	7,8	4,8	4,2	3,6	1,8	1,2	0,6	0,6

Có đến hơn một nửa số phụ nữ đang đảm nhiệm các nghề khác nhau mà không được đào tạo hoặc làm những công việc không đòi hỏi được đào tạo. Rõ ràng, lao động nữ Quảng Ngãi đang thực sự thiếu hụt về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Tình trạng này đồng nghĩa với việc phụ nữ đang phải làm nhiều công việc vất vả, nặng nhọc nhưng thu nhập lại thấp ảnh hưởng đến việc tăng cường vai trò, vị trí của họ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội ở địa phương.

Tuy nhiên, đa số những người được hỏi cho rằng trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ của họ đáp ứng tốt hoặc đáp ứng được yêu cầu của công việc thực tế. Ngay cả người học cấp I cũng trả lời trình độ học vấn đáp ứng được công việc hiện nay. Điều này chứng tỏ có một sự thích ứng nhất định giữa trình độ học vấn với công việc được lựa chọn hoặc được giao phó hay thuê mướn. (Xem bảng 6).

Bảng 6 : Mức độ đáp ứng công việc thực tế theo nhóm học vấn (%)

	Đáp ứng tốt	Bình thường	Không đáp ứng tốt
Nam			
Mù chữ	0	0	2,5
Cấp I	5,6	7,5	1,3
Cấp II	13,1	23,1	0
Cấp II	12,5	8,8	0
Trung cấp	0,6	1,3	1,3
Cao đẳng - Đại học	8,8	1,9	0,6
Nữ			
Mù chữ	0	0	0
Cấp I	7,8	11,7	2,2
Cấp II	14,0	20,1	1,1
Cấp II	10,1	8,4	0,6
Trung cấp	6,1	3,9	0,6
Cao đẳng - Đại học	4,5	2,8	0

Trả lời câu hỏi : "Trong công việc hiện nay, nếu có học vấn cao hơn sẽ làm tốt hơn không? ", có đến 82,3% trả lời có và 14,9% trả lời không. Riêng đối với nữ, 42% trả lời có và 8,9% trả lời không. Như vậy, đa số nam giới có ý thức rõ ràng rằng có học vấn cao sẽ làm việc tốt hơn trong khi đó phụ nữ lại khẳng định không mạnh mẽ về vấn đề này. *Thực ra thì học vấn tuy đóng vai trò quan trọng nhưng không phải là điều kiện nhất quyết, ngoài học vấn còn có kinh nghiệm, trình độ tay nghề quyết định chất lượng công việc, và loại công việc của người lao động nói chung và phụ nữ nói riêng.* Tuy nhiên, thực trạng trình độ chuyên môn nghiệp vụ của phụ nữ Quảng Ngãi là thấp. Nhiều người đang có việc làm đều không được đào tạo nghề. Lao động nữ thực sự yếu kém về trình độ chuyên môn, kỹ thuật và tay nghề. Điều đó ảnh hưởng mạnh đến vai trò, vị trí của phụ nữ trong xã hội và hạn chế sự gia nhập vào thị trường lao động của họ. Do đó, những phụ nữ không được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ bài bản thì nhu cầu của họ những năm tiếp theo là được đào tạo và đào tạo lại chỉ ít là ở các lớp bồi dưỡng chuyên môn ngắn ngày, hoặc các bậc học cao hơn như cao đẳng, đại học.

3. Hiểu biết xã hội:

Hiểu biết xã hội là một trong những thành tố cơ bản của dân trí. Hiểu biết xã hội của người dân nhiều khi không phải do giáo dục học đường đem lại, do đó khó có thể đo lường và so sánh. Trong vấn đề này, đáng lưu ý một số chính sách liên quan đến gia đình của bản thân người phụ nữ và một số vấn đề xã hội liên quan tới mức độ quan tâm, hiểu biết và ứng xử của người dân nói chung và phụ nữ nói riêng (bảng 7).

Bảng 7 : Mức độ quan tâm của phụ nữ đến các chính sách kinh tế - xã hội (%)

	Quan tâm nhiều	Quan tâm ít	Không quan tâm
• Chính sách giáo dục	88,6	7,8	3,6
• Chính sách sinh đẻ có kế hoạch	84,5	9,0	6,6
• Chính sách chăm sóc sức khỏe	80,4	16,1	3,5
• Chính sách trao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài	78,4	14,3	7,3
• Vấn đề bình đẳng nam nữ	78,0	16,1	6,0
• Chính sách hỗ trợ vốn	71,6	17,7	10,6
• Chính sách bảo hiểm xã hội	69,2	20,1	10,7
• Chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần	43,8	26,7	29,5

Như vậy, đa số phụ nữ tỏ ra quan tâm các chính sách kinh tế - xã hội. Họ quan tâm nhiều nhất đến các chính sách giáo dục (88,6%); y tế (84,5%). Số liệu này càng chứng tỏ đặc tính phụ nữ rất chăm lo việc giáo dục con cái, định hướng học tập và nghề nghiệp cho con cái. Do đó, họ rất quan tâm đến tình trạng hệ thống giáo dục của địa phương: những bất bình đẳng trong giáo dục, chi phí học cao, lương giáo viên thấp, sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương đến giáo dục, v.v... Ngoài ra, chị em cũng rất quan tâm đến chính sách cho vay vốn, chính sách phân chia ruộng đất... đặc biệt là vấn đề dư thừa lao động ở địa phương.

Những hiểu biết xã hội của phụ nữ có được dưới nhiều hình thức khác nhau

như thông qua các hội thi, hội thảo chuyên đề do các Ban, Ngành, Đoàn thể tổ chức nhằm mục đích tuyên truyền các nội dung chính sách kinh tế-xã hội: "*Dân số kế hoạch hóa gia đình*"; "*Nuôi con khỏe dạy con ngoan*"; "*Phụ nữ làm kinh tế giỏi*"; "*Cán bộ hội giỏi*"; "*Tuyên truyền viên giỏi*"; "*Hội thi văn hóa văn nghệ quần chúng*, v.v... Như vậy, hiểu biết xã hội phong phú của phụ nữ là yếu tố nền tảng trong quá trình phát triển nguồn nhân lực, trí tuệ và phẩm chất, nhân cách của người dân nói chung và phụ nữ nói riêng.

Trong trường hợp tỉnh Quảng Ngãi, nhìn chung trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ và hiểu biết xã hội của phụ nữ vẫn thiệt thòi so với nam giới, phụ nữ nông thôn vẫn thiệt thòi hơn phụ nữ đô thị.

2. Nhu cầu và một số yếu tố ảnh hưởng

Từ phía gia đình

Nhu cầu nâng cao trình độ học vấn của người dân nói chung và phụ nữ nói riêng có ý nghĩa quan trọng và tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nâng cao trình độ học vấn sẽ giúp cho phụ nữ tăng khả năng nhận thức, tiếp cận và sử dụng các dịch vụ giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục con cái, quan hệ tốt với cộng đồng... tạo điều kiện cho họ có năng lực tốt hơn trong việc làm kinh tế, giải quyết việc làm và tăng thu nhập góp phần nâng cao mức sống gia đình.

Hầu hết người phụ nữ được hỏi đều cho rằng phải nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn và mở rộng kiến thức hiểu biết xã hội nhằm theo kịp tiến độ phát triển của nền kinh tế thị trường, sự phát triển xã hội. Đặc biệt, cần có học vấn cao hơn để chăm sóc giáo dục con cái và tham gia công tác xã hội nhiều hơn. Tuy nhiên, kết quả điều tra cho thấy *nhân tố ảnh hưởng lớn nhất, hạn chế nhu cầu nâng cao học vấn của phụ nữ là điều kiện kinh tế gia đình; ngoài ra sự kết hợp của điều kiện kinh tế gia đình, điều kiện làm việc và điều kiện chăm sóc gia đình là những nhân tố trói buộc nhu cầu nâng cao trình độ học vấn của phụ nữ.* (Xem bảng 8).

Bảng 8 : Nhân tố ảnh hưởng hạn chế nhu cầu nâng cao trình độ học vấn của phụ nữ (% ý kiến)

Nhân tố ảnh hưởng	Nữ	Nam
• Điều kiện kinh tế gia đình	22,5	22,8
• Điều kiện kinh tế gia đình + điều kiện làm việc + điều kiện chăm sóc gia đình không cho phép	20,2	16,8
• Điều kiện kinh tế gia đình + bản thân phụ nữ không có nhu cầu	6,4	4,4
• Điều kiện chăm sóc gia đình không cho phép	1,4	2,3
• Điều kiện làm việc hiện nay không cho phép	0,6	0,6
• Chính bản thân người phụ nữ không thấy có nhu cầu	0,6	1,4

Thực ra, *kinh tế gia đình không phải là nhân tố quyết định duy nhất hạn chế nhu cầu nâng cao học vấn của phụ nữ mà nhân tố tuổi cũng rất quan trọng trong học vấn của họ* (có thể đây là nhân tố truyền thống vì khi có gia đình người phụ nữ ít nghĩ đến nhu cầu bản thân). Chẳng hạn, nếu ở độ tuổi 31- 40 có 33,6% người trả lời là phụ nữ nên nâng cao trình độ học vấn thì ở nhóm tuổi 41-50 tỷ lệ này giảm xuống còn 23,0%.

Có thể nói rằng, để nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ thì người phụ nữ cần phải có kinh tế gia đình ổn định, vững vàng; được tạo điều kiện về thời gian và có sự ủng hộ của người chồng; hạn chế đẻ nhiều con; và các thành viên trong gia đình cùng chia sẻ trách nhiệm với phụ nữ.

Như vậy, các ý kiến tập trung nhiều nhất vào giải pháp gia đình là phải tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và có sự ủng hộ của người chồng (42,7%)

Bảng 9: Gia đình cần phải làm gì để nâng cao trình độ học vấn cho phụ nữ (%)

Giải pháp	Nữ	Tổng
Tạo điều kiện về thời gian, kinh tế và sự ủng hộ của chồng	30,3	21,8
Kinh tế vững vàng ổn định	11,1	59,0
Sắp xếp công việc nhà hợp lý	6,8	0,7
Các thành viên trong gia đình gánh vác trách nhiệm cùng người phụ nữ	2,0	4,2
Hạn chế đẻ nhiều con	0,7	14,3

Tóm lại, trong gia đình cần tạo điều kiện về thời gian, kinh tế và sự ủng hộ của người chồng hết sức quan trọng trong việc nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ của người phụ nữ.

Từ phía cơ quan: Giải pháp mà người phụ nữ đưa ra là :

- Tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc: 33%
- Hỗ trợ kinh phí học tập: 9,7%
- Ưu tiên cử cán bộ nữ đi đào tạo: 11,4%

Nói chung, đối với cơ quan phải tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho họ nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc đổi mới.

Từ phía Nhà nước: Đa số người được hỏi cho rằng Nhà nước cần:

- Hỗ trợ kinh phí đi học cho phụ nữ: 19,1%
- Có chính sách ưu đãi, quan tâm đặc biệt đến phụ nữ: 17,1%
- Có cơ chế ưu tiên thích hợp cho phụ nữ: 6,0%
- Mở các lớp học phù hợp với phụ nữ: 6,0%
- Chế độ tiền lương phù hợp với phụ nữ: 2,0%
- Cho vay vốn phát triển kinh tế gia đình thì phụ nữ mới có điều kiện đi học: 1,5%

Giải pháp được nhiều người đồng tình nhất là Nhà nước hỗ trợ kinh phí đi học cho người phụ nữ và cơ chế chính sách ưu đãi đặc biệt là đối với phụ nữ. Ngoài ra, Nhà nước cần tăng cường đào tạo mới và đào tạo lại. Các hình thức này có thể đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ của người phụ nữ.

Quá trình đào tạo học vấn, chuyên môn nghiệp vụ cho phụ nữ diễn ra theo nhiều cách: chính quy, không chính quy; dài hạn, ngắn hạn; tập trung, từ xa, tự đào tạo và bồi dưỡng, v.v. Trong đào tạo phải có sự kết hợp giữa kế hoạch đào tạo của Nhà nước, tỉnh và của địa phương (chiếm 76,7% ý kiến trả lời).

Bảng 10 : Làm thế nào để nâng cao trình độ chuyên môn cho phụ nữ (%)

Giải pháp	Nữ	Tổng
Đào tạo mới	0,9	1,7
Đào tạo lại	5,8	12,8
Kết hợp cả hai hình thức trên	44,9	85,4

Giải pháp nâng cao trình độ học vấn của phụ nữ Quảng Ngãi trước hết là vừa được học nghề vừa được học văn hóa (nhu cầu vừa học vừa làm) vì họ muốn gắn hiệu quả của việc học với hiệu quả kinh tế và lợi ích cuộc sống. Họ cần có nghề để tăng thu nhập nhưng cũng cần phải có kiến thức để có thể đáp ứng yêu cầu của thị trường phát triển hiện nay.

Ngoài ra, Nhà nước, cơ quan cần có những giải pháp giúp cho phụ nữ có nhu cầu tự đào tạo lại thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài, ti vi, sách báo, v.v... đặc biệt tự học qua truyền nghề, kinh nghiệm từ người này sang người khác đã giúp cho những phụ nữ lớn tuổi hoặc không có thời gian đi học. Họ vừa làm vừa học, thông qua phương tiện này nhiều chị em dễ hiểu và cũng dễ bắt chước. Những kiến thức về khoa học kỹ thuật cần thiết cho nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kiến thức về văn hóa, y tế, giáo dục, sức khỏe... cũng được áp dụng theo cách này thành công trong thực tế.

Đối với phụ nữ tham gia quản lý trong các cơ quan, đoàn thể ở địa phương cũng có nhu cầu vừa làm và vừa tự hoàn thiện mình. Họ có nhu cầu được đào tạo và đào tạo lại bằng các khóa học ngắn hạn thuận lợi cho họ sắp xếp công việc gia đình, chăm sóc con cái. Như vậy, nhu cầu được đào tạo và tự đào tạo của phụ nữ Quảng Ngãi là khá cao. Một trong những giải pháp có tính lâu dài là xây dựng các "Trung tâm nghiên cứu, đào tạo, tư vấn hỗ trợ việc làm cho phụ nữ" tại địa phương.

Kết luận

Nhìn chung, trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề của phụ nữ Quảng Ngãi còn chưa cao. Hầu hết số người được hỏi có trình độ học vấn cấp II và ít người được đào tạo nghề. Phụ nữ Quảng Ngãi hiểu biết xã hội khá tốt, họ quan tâm và hiểu rõ về đường lối, chính sách kinh tế xã hội liên quan đến họ và cuộc sống gia đình của họ như: chính sách vay vốn, giao quyền sử dụng đất, sinh đẻ có kế hoạch...

Xuất phát từ thực trạng nêu trên, phụ nữ Quảng Ngãi có nhu cầu khá cao về nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn (từ cấp II lên cấp III và cao hơn) với các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại, vừa học văn hóa vừa học nghề, với các khóa học ngắn hạn, dài hạn, v.v... Do đó, Nhà nước và chính quyền địa phương cần có những chính sách quan tâm, hỗ trợ về thời gian, kinh phí, vật chất để cho phụ nữ có điều kiện nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn và phát huy tiềm lực của mình đóng góp vào thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn.